

Số: 119 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin
Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2025-2027**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện

từ hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thanh cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước; Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin; Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 1 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định về quản lý Đài truyền thanh cấp cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; Thông tư số 12/2020/TTBTTTT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phương pháp tính chi phí; Thông tư số 23/2020/TT-BTTTT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các nội dung đặc thù của hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước; Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về công tác triển khai, giám sát công tác triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 23/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với Trung tâm dữ liệu;

Căn cứ Quyết định 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định 2337/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật, về cấu trúc, định dạng dữ liệu phục vụ kết nối, tích

hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin báo cáo trong hệ thống thông tin báo cáo quốc gia phục vụ quá trình thực hiện chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước (phiên bản 1.0); Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Quyết định số 671/QĐ-BTTTT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn xác định chi phí phần mềm nội bộ;

Căn cứ Văn bản số 2455/BTTTT-TTCS ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn nghiệp vụ về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin nguồn trung ương và Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh (Phiên bản 2.0);

Căn cứ Nghị quyết số 149/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái Ban hành Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công; mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương; đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái khóa XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 15/CTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Kết luận số 874-KL/TU ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Thường trực Tỉnh ủy và Kết luận số 877-KL/TU ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nội dung duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Yên Bái, phiên bản 2.0; Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Yên Bái, phiên bản 1.0; Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt đề án xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019 - 2021, định hướng đến năm 2025; Quyết định số 2427/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Yên Bái; Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành danh mục dữ liệu mở tỉnh Yên Bái; Quyết định số 2015/QĐ-

UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 121/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch số 263/KH-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 2394/UBND-VX ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2024-2027”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 2662/TTr-STTTT ngày 31 tháng 12 năm 2024; đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 26/BC-STC ngày 14 ngày 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2025-2027, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2025 - 2027.

2. Chủ trì thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái.

3. Tổ chức tư vấn lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Việt Nam - VINCONS.

4. Mục tiêu

Hệ thống thông tin nguồn (HTTTN) tỉnh là hệ thống quản lý dữ liệu nguồn thông tin cơ sở, đáp ứng quy định tại Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin; Quyết định số 1381/QĐ-BTTTT ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025 và Văn bản số 2455/BTTTT-TTCS ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn nghiệp vụ về chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin nguồn trung ương và Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh (Phiên bản 2.0).

5. Nội dung và quy mô

- Thuê 01 phần mềm Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh nhằm mở rộng và đồng bộ các đài truyền thanh cơ sở đã triển khai trước đó và để kết nối, chia sẻ

dữ liệu với hệ thống thông tin nguồn Trung ương. Phần mềm HTTTN tỉnh phải đáp ứng được hoạt động của trên 2.000 thiết bị thông tin cơ sở (gồm: các cụm loa truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, bảng đèn LED và các thiết bị thông tin cơ sở khác) trên địa bàn toàn tỉnh.

- Triển khai thuê 69 bộ thiết bị hỗ trợ chuyển đổi tín hiệu số truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cho hệ thống Đài truyền thanh vô tuyến FM của 69 xã, phường, thị trấn để kết nối với HTTTN tỉnh Yên Bái.

- Triển khai thuê 11 bộ thiết bị điều khiển Bảng tin điện tử, màn hình LED công cộng gồm: 08 màn hình LED (trong đó: 01 của tỉnh, 07 của huyện, thành phố, thị xã) và 03 cổng chào điện tử của tỉnh để kết nối với HTTTN tỉnh Yên Bái.

- Tập huấn chuyển giao công nghệ và hướng dẫn sử dụng hệ thống.

6. Phạm vi, địa điểm

a) Phạm vi triển khai: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái và các địa phương có sử dụng đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

b) Địa điểm: Trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

7. Dự toán kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện là 8.908.296.000 đồng (*Tám tỷ, chín trăm linh tám triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó:

7.1. Tổng kinh phí chi tiết theo từng nội dung chi như sau:

- Tổng chi phí thuê dịch vụ là 8.411.213.000 đồng, gồm: (1) Thuê dịch vụ công nghệ thông tin: 8.366.323.000 đồng; (2) Chi phí thuê dịch vụ tập huấn hướng dẫn sử dụng: 44.890.000 đồng.

- Chi phí tư vấn (Chi phí khảo sát, tư vấn lập Kế hoạch và thẩm tra kế hoạch thuê dịch vụ CNTT; Chi phí phục vụ công tác lựa chọn nhà thầu; Chi phí giám sát): 286.345.000 đồng.

- Chi khác (Chi phí thẩm định giá, chi phí quản lý): 210.738.000 đồng.

7.2 Tổng kinh phí phân kỳ theo từng năm như sau:

- Năm 2025: 2.741.384.000 đồng;

- Năm 2026: 3.083.456.000 đồng;

- Năm 2027: 3.083.456.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

8. Thời gian thực hiện:

- Từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024: Tổ chức khảo sát, lập, thẩm tra kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

- Từ tháng 01/2025 đến tháng 3/2025: Tổ chức đấu thầu thuê dịch vụ công nghệ thông tin;

- Từ tháng 4/2025 đến hết tháng 12/2027 (33 tháng): Thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

9. Nguồn vốn: Sử dụng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp của ngân sách tỉnh).

10. Hình thức thực hiện thuê dịch vụ: Tổ chức đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin; phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kho bạc Nhà nước Yên Bái và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CDS tỉnh;
- Lưu: VT, VX, TKTH, TC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Anh

Phụ lục số 01:
TỔNG HỢP CHI PHÍ THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: Đồng

| STT | Nội dung | Chi phí trước thuế | Thuế GTGT | Chi phí sau thuế | Ghi chú |
|------------|--|----------------------|--------------------|----------------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | Tổng cộng: | 8.106.545.953 | 801.750.047 | 8.908.296.000 | |
| I | Chi phí thuê dịch vụ | 7.650.638.182 | 760.574.818 | 8.411.213.000 | |
| 1 | Chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin | 7.605.748.182 | 760.574.818 | 8.366.323.000 | |
| | Thuê dịch vụ công nghệ thông tin "Hệ thống quản lý thông tin nguồn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2025-2027" | 7.605.748.182 | 760.574.818 | 8.366.323.000 | |
| 2 | Chi phí tập huấn hướng dẫn sử dụng | 44.890.000 | | 44.890.000 | |
| II | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 263.336.559 | 23.008.441 | 286.345.000 | |
| 1 | Khảo sát lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin | 89.115.741 | 7.129.259 | 96.245.000 | |
| 2 | Tư vấn lập Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin | 68.932.000 | 5.515.000 | 74.447.000 | |
| 3 | Thẩm tra kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin | 8.227.000 | 658.000 | 8.885.000 | |
| 4 | Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu | 27.551.818 | 2.755.182 | 30.307.000 | |
| 5 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu | 15.300.909 | 1.530.091 | 16.831.000 | |
| 6 | Chi phí giám sát kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin | 54.209.091 | 5.420.909 | 59.630.000 | |
| III | Chi phí khác | 192.571.212 | 18.166.788 | 210.738.000 | |
| 1 | Chi phí thẩm định giá | 54.516.667 | 4.361.333 | 58.878.000 | |
| 2 | Chi phí quản lý hàng năm | 138.054.545 | 13.805.455 | 151.860.000 | |

Phụ lục số 02:
DỰ KIẾN PHÂN KỲ KẾ HOẠCH THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: **Đồng**

| STT | Nội dung | Kinh phí (đã bao gồm VAT) | Phân kỳ theo từng năm; trong đó: | | | Ghi chú |
|------------|--|------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| | | | Năm 2025 | Năm 2026 | Năm 2027 | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | <u>Tổng cộng</u> | <u>8.908.296.000</u> | <u>2.741.384.000</u> | <u>3.083.456.000</u> | <u>3.083.456.000</u> | |
| I | Chi phí thuê dịch vụ | 8.411.213.000 | 2.385.295.000 | 3.012.959.000 | 3.012.959.000 | |
| 1 | Chi phí thuê dịch vụ | 8.366.323.000 | 2.340.405.000 | 3.012.959.000 | 3.012.959.000 | |
| | Thuê dịch vụ công nghệ thông tin "Hệ thống quản lý thông tin nguồn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2025-2027" | 8.366.323.000 | 2.340.405.000 | 3.012.959.000 | 3.012.959.000 | |
| 2 | Chi phí tập huấn hướng dẫn sử dụng | 44.890.000 | 44.890.000 | | | |
| II | Chi phí tư vấn | 286.345.000 | 246.591.000 | 19.877.000 | 19.877.000 | |
| 1 | Khảo sát lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin | 96.245.000 | 96.245.000 | | | |
| 2 | Tư vấn lập Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin | 74.447.000 | 74.447.000 | | | |
| 3 | Thẩm tra kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin | 8.885.000 | 8.885.000 | | | |
| 4 | Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu | 30.307.000 | 30.307.000 | | | |
| 5 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu | 16.831.000 | 16.831.000 | | | |
| 6 | Chi phí giám sát kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin | 59.630.000 | 19.876.000 | 19.877.000 | 19.877.000 | |
| III | Chi phí khác | 210.738.000 | 109.498.000 | 50.620.000 | 50.620.000 | |
| 1 | Chi phí thẩm định giá | 58.878.000 | 58.878.000 | | | |
| 2 | Chi phí quản lý hàng năm | 151.860.000 | 50.620.000 | 50.620.000 | 50.620.000 | |